

Số/No: 1158-2025/CV-SHS

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Hanoi, July 31st, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Committee*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*;

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội/ *Saigon – Hanoi Securities Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: SHS/069

- Địa chỉ/Address: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ *Floor 1st-5th, Unimex Ha Noi Building, No. 41, Ngo Quyen street, Cua Nam ward, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024.38 181.888

Fax: 024.38 181.688

- E-mail: congbothongtin@shs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Ngày 30/07/2025 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS.

On July 30th, 2025, the Board of Directors of Saigon - Hanoi Securities Joint Stock Company issued Decision No. 41-2025/QĐ-HĐQT on implementing the Plan to issue shares under the Employee Stock Option Program in 2025 of SHS.

(Căn cứ quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 11; Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1, Điều 23 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Pursuant to the provisions in Point d, Clause 1, Article 11; Clause 1, Article 15; Clause 1, Article 23 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Minister of Finance guiding information disclosure on the Stock market).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/07/2025 tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on July 31st, 2025 as in the link:*
<https://www.shs.com.vn/News/2025731/1012819/shs-cbtt-quyet-dinh-cua-hdqt-ve-viec-trien-khai-phuong-an-phat-hanh-co-phieu-theo-chuong-trinh-lua-chon-cho-nguoi-lao-dong-nam-2025-cua-shs.aspx>
<https://www.shs.com.vn/News/2025731/1012820/shs-cbtt-quyet-dinh-cua-hdqt-ve-viec-trien-khai-phuong-an-phat-hanh-co-phieu-theo-chuong-trinh-lua-chon-cho-nguoi-lao-dong-nam-2025-cua-shs.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT.
Decision No. 41-2025/QĐ-HĐQT.

Đại diện tổ chức/Organization representative
TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER



NGUYỄN CHÍ THÀNH

Số: 11.-2025/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 30. tháng 7. năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

*(V/v: Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu
theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (Công ty/SHS) hiện hành;
- Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản họp số 36.-2025/BBH-HĐQT ngày 30.7.2025 của HĐQT SHS;
- Xét đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình số 51-2025/TTr-SHS ngày 25/7/2025 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (NLĐ) năm 2025 của SHS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua triển khai phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (ESOP 2025) với một số nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Số lượng (SL) cổ phiếu trước khi phát hành: 894.462.220 cổ phiếu, trong đó:
 - + SL cổ phiếu đang lưu hành: 894.462.220 cổ phiếu
 - + SL cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- SL cổ phiếu phát hành dự kiến: 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành (theo mệnh giá): 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ phát hành dự kiến (SL cổ phiếu chào bán/tổng SL cổ phiếu đang lưu hành): 0,56%
- Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

- Phương án sử dụng vốn:

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho NLĐ dự kiến là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng, được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Đối tượng phát hành, **tiêu chuẩn NLĐ tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng**, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có): Quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLĐ SHS.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phổ thông phát hành cho NLĐ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2025.
- **Thực hiện điều chỉnh số lượng chứng khoán và thay đổi niêm yết cổ phiếu** đối với toàn bộ cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho NLĐ năm 2025 theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thông qua Đối tượng áp dụng, Tiêu chuẩn NLĐ tham gia Chương trình và Nguyên tắc xác định SL cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trong đợt Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLĐ, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có):

1. Đối tượng áp dụng:

a. Đối tượng áp dụng:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.
- Cán bộ nhân viên (CBNV) ký Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với SHS tính đến ngày 30/06/2025 đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

b. Đối tượng không áp dụng

- CBNV có Đơn xin thôi việc, đơn phương chấm dứt HĐLĐ; đang trong thời gian Xử lý kỷ luật (*sau đây viết tắt là "XLKL"*); đang xem xét XLKL trên cơ sở đã có Quyết định thành lập Hội đồng XLKL (hoặc các văn bản có giá trị tương đương về việc thành lập Hội đồng XLKL); đang trong thời gian tạm đình chỉ công tác/chức vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc đã bị XLKL lao động từ mức Khiển trách trở lên trong vòng 01 năm tính đến thời điểm lập danh sách NLĐ tham gia Chương trình ESOP.
- CBNV nghỉ không hưởng lương với thời hạn từ 06 tháng trở lên tính đến ngày lập danh sách NLĐ tham gia Chương trình ESOP.
- CBNV đang tạm hoãn HĐLĐ hoặc đang nghỉ việc không có lý do.
- CBNV là người có quốc tịch nước ngoài.
- Các đối tượng khác theo đề xuất của Tổng giám đốc.

2. Tiêu chuẩn NLĐ tham gia Chương trình ESOP 2025: Chi tiết tại Phụ lục 01.

3. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có):
Chi tiết tại Phụ lục 02

Điều 3. Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLĐ năm 2025 của SHS (Quy chế ESOP 2025).

Điều 4. Thông qua Danh sách Người lao động được lựa chọn tham gia Chương trình ESOP năm 2025 (Danh sách được đính kèm Quyết định này).

Điều 5. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN), cụ thể như sau:

Theo Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa, tỷ lệ SHNN tối đa tại SHS là 49% vốn điều lệ.

Tổng số lượng cổ phiếu ESOP 2025 dự kiến phát hành là: 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu, tương ứng 0,56% tổng số cổ phiếu đang lưu hành (đối tượng phát hành cho NLĐ trong nước).

Do vậy, để đảm bảo tỷ lệ SHNN khi triển khai đợt phát hành cổ phiếu, HĐQT thông qua phương án đảm bảo như sau: “Thực hiện phân phối cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho NLĐ trong công ty đúng đối tượng phát hành là NLĐ trong nước”.

Điều 6. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT quyết định các nội dung công việc, ký và ban hành các văn bản, tài liệu liên quan:

- Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLĐ năm 2025 của SHS (Quy chế ESOP 2025)
- Quyết định thời gian thực hiện và báo cáo với Cơ quan quản lý Nhà nước (CQQLNN) có thẩm quyền về việc phát hành, thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định pháp luật và của CQQLNN có thẩm quyền;
- Các công việc khác để hoàn tất việc phát hành bao gồm nhưng không giới hạn việc điều chỉnh các nội dung đã được HĐQT thông qua để phù hợp hoạt động của SHS, quy định pháp luật và/hoặc yêu cầu của CQQLNN có thẩm quyền;
- Ban hành các Quyết định, thực hiện các thủ tục thu hồi cổ phiếu, phân phối lại cổ phiếu bị thu hồi và xử lý các trường hợp khác không được quy định tại Quy chế ESOP 2025 mà không cần có Quyết định của HĐQT (không áp dụng với cổ phiếu đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng).
- Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được giao, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các công việc liên quan bao gồm nhưng không giới hạn: giải trình, ký và ban hành công văn, hồ sơ trong quá trình triển khai thực hiện theo đúng thẩm quyền.

Điều 7. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Tổng giám đốc, Văn phòng HĐQT và các Phòng ban, cá nhân liên quan thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- CBTT: UBCKNN, SGDCK, Website;
- Lưu VPHĐQT



ĐỖ QUANG VINH

Phụ lục 01

Tiêu chuẩn NLD tham gia Chương trình ESOP 2025

(Đính kèm Quyết định HĐQT số 41.-2025/QĐ-HĐQT ngày 30/07/2025)

I. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng cổ phần các Thành viên HĐQT Công ty được mua cụ thể do HĐQT quyết định.

II. CÁN BỘ NHÂN VIÊN

1. Tiêu chí thâm niên làm việc (Thâm niên)

Thời gian làm việc tại SHS (bao gồm cả thời gian thử việc) tính đến ngày 30/6/2025.

Điểm thâm niên làm việc được chi tiết như sau:

TT	Thâm niên làm việc (năm)	Điểm thâm niên
1	≥ 15 năm	07
2	≥ 10 năm	06
3	≥ 7 năm	05
4	≥ 5 năm	04
5	≥ 3 năm	03
6	≥ 2 năm	02
7	≥ 1 năm	01

2. Tiêu chí chức danh và vị trí công việc (Chức danh)

TT	Chức danh/ vị trí công việc	Điểm theo theo cấp bậc (*)
1	Tổng giám đốc	100
2	Giám đốc/Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Ban, Giám đốc Trung tâm (Trực thuộc Tổng giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh	30
3	Trưởng phòng Hội sở, Chánh Văn phòng HĐQT, Phó Trưởng phòng phụ trách tại Hội sở, Phó Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Phòng giao dịch, Trợ lý Chủ tịch HĐQT	20
4	Trưởng phòng Môi giới,	10

TT	Chức danh/ vị trí công việc	Điểm theo theo cấp bậc (*)
	Trưởng phòng Chi nhánh/Phó Trưởng phòng Hội sở/Phó Chánh văn phòng HĐQT, Giám đốc Môi giới Chi nhánh	
5	Các vị trí còn lại không giữ vị trí quản lý	01

(*) Tổng giám đốc được điều chỉnh điểm với các trường hợp có vai trò quan trọng, tác động lớn đến hoạt động của Công ty nhưng không vượt quá 50%, trường hợp đặc biệt không vượt quá 100% điểm tiêu chuẩn tại vị trí tương ứng đó.

3. Tiêu chí đặc thù nghiệp vụ/ chức năng của đơn vị đóng góp vào hoạt động công ty (Nghiệp vụ)

TT	Loại đơn vị/ Mảng nghiệp vụ triển khai	Điểm theo đơn vị chức năng
1	Đầu tư cổ phiếu	10
2	Đầu tư trái phiếu, Ngân hàng đầu tư, Môi giới, Nguồn vốn, Công nghệ, Tài chính quản trị, Phân tích, Phát triển sản phẩm, Văn phòng HĐQT, Giám đốc chi nhánh, Tổ chức Nhân sự.	08
3	Dịch vụ tài chính, Pháp chế & QTRR, Kế toán nội bộ, Thư ký, Kiểm toán nội bộ, Marcom.	07
4	Quản lý sổ cổ đông, Kế toán giao dịch, Giao dịch tổng hợp, Hành chính.	06

4. Tiêu chí tính chất đặc biệt (Tính chất)

Đối với một số CBNV làm việc tại vị trí cấp cao của Công ty thì HĐQT quyết định số lượng cổ phiếu được phân bổ cụ thể theo từng trường hợp cụ thể trong tổng số cổ phiếu dành riêng cho đối tượng này.

Phụ lục 02

Nguyên tắc xác định số lượng Cổ phiếu ESOP 2025 được phân phối

(Đính kèm Quyết định HĐQT số 44.-2025/QĐ-HĐQT ngày 30/03/2025)

1. Tỷ trọng phân phối

- 25% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.250.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV động theo **Thâm niên**.
- 30% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.500.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV theo **Chức danh**.
- 25% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.250.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV theo **Nghịệp vụ**.
- 20% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.000.000 cổ phiếu): phân bổ cho thành viên HĐQT và CBNV theo **Tính chất**.

2. Công thức xác định số lượng cổ phiếu đến từng cá nhân:

- **Thành viên HĐQT:** Số lượng cổ phần được mua theo phê duyệt của HĐQT.
- **CBNV:** Số lượng cổ phần được mua được xác định theo công thức dưới đây:

$$\text{Cổ phiếu của từng CBNV (X}_i\text{)} = \text{Cổ phiếu phân phối theo Thâm niên (Y}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Chức danh (Z}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Nghịệp vụ (T}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Tính chất (Q}_i\text{)}.$$

Trong đó:

- X_i : là tổng số lượng cổ phiếu ESOP của CBNV thứ i
- Y_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Thâm niên**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Thâm niên của CBNV}_i = A \times \frac{G}{\sum(G)}$$

Trong đó:

- A : Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Thâm niên;
- G : Điểm Thâm niên của CBNV i
- $\sum(G)$: Tổng điểm Thâm niên của toàn bộ NLĐ;
- Z_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Chức danh**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Chức danh của CBNV}_i = B \times \frac{H}{\sum(H)}$$

Trong đó:

- B : Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Chức danh;
- H : Điểm Chức danh của CBNV i ;
- $\sum(H)$: Tổng điểm Chức danh của toàn bộ CBNV;
- T_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Nghịệp vụ**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Nghịệp vụ của CBNV}_i = C \times \frac{K}{\sum(K)}$$

Trong đó:

- C: Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Nghiệp vụ;
- K: Điểm Nghiệp vụ của CBNV i;
- $\sum(K)$: Tổng điểm Nghiệp vụ của toàn bộ CBNV;
- Q_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Tính chất**, được xác định theo phê duyệt của HĐQT.

3. Nguyên tắc làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết.

- a. Nguyên tắc làm tròn: cổ phiếu phân phối theo nguyên tắc trên được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- b. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có):
 - Đối với phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Sẽ được phân phối cho Tổng giám đốc SHS;
 - Đối với cổ phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp NLD không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết, HĐQT quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại này cho NLD khác của Công ty với cùng mức giá chào bán cho NLD theo danh sách ban đầu.

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC LỰA CHỌN
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2025 CỦA SHS
(kèm theo Quyết định HĐQT số 41../2025/QĐ-HĐQT ngày 30/07/2025)

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
1	Đỗ Quang Vinh	Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT	200.000
2	Lê Đăng Khoa	Hội đồng quản trị	TV HĐQT	70.000
3	Nguyễn Diệu Trinh	Hội đồng quản trị	TV HĐQT độc lập	60.000
4	Đào Ngọc Dũng	Hội đồng quản trị	TV HĐQT	20.000
5	Nguyễn Chí Thành	Ban Tổng Giám Đốc	Tổng giám đốc (CEO)	624.720
6	Trần Thị Hồng Liên	Bộ phận Trợ Lý	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140
7	Phạm Thị Hồng Phượng	Phòng Phát triển sản phẩm	Phó phòng	19.730
8	Nguyễn Mạnh Quyết	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.440
9	Nguyễn Khắc Thành	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640
10	Thái Dương	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940
11	Bùi Mạnh Kiên	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	8.940
12	Nguyễn Bình Minh	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	6.440
13	Lê Minh Nghĩa	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	5.240
14	Nguyễn Thị Hải Yến	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	5.240
15	Mai Ngọc Lâm	Trung tâm Môi giới chứng khoán	Phó Giám đốc	43.960
16	Nguyễn Hữu Vinh	Trung tâm Môi giới chứng khoán	Giám đốc Phát triển kinh doanh	31.280
17	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Trưởng phòng	13.970
18	Nguyễn Minh Việt	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Trưởng nhóm	12.670
19	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	6.740
20	Phạm Thị Hồng	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440
21	Đỗ Hương Giang	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	11.640
22	Dương Thị Dung	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	5.440
23	Trần Phương Anh	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940
24	Phùng Thu An	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	4.240
25	Phạm Thị Loan	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	12.940
26	Nguyễn Phương Ly	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	12.940

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
27	Phan Thị Phương	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940
28	Nguyễn Duy Sơn	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440
29	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940
30	Nguyễn Thị Nhung	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440
31	Đặng Thị Thu Thủy	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	5.440
32	Đỗ Quỳnh Trang	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940
33	Nguyễn Thị Trà Giang	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	23.250
34	Hoàng Hải Đường	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	13.940
35	Hoàng Ngọc Bùi	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940
36	Đoàn Phương Anh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	12.640
37	Nguyễn Đức Kim	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	12.640
38	Ngô Thị Ngọc Tân	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440
39	Nguyễn Bình Minh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440
40	Lê Văn Hải	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	6.440
41	Vũ Đăng Sơn	Phòng Môi giới 5	Trưởng phòng	21.950
42	Nguyễn Duy Tân	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	6.440
43	Lưu Thị Thu Thảo	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	11.440
44	Lã Tuấn Nghĩa	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640
45	Nguyễn Mạnh Hà	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640
46	Lê Thùy Dương	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	8.940
47	Nguyễn Tuấn Dương	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640
48	Trần Thị Tuyết	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640
49	Phạm Đức Hiền	Phòng Môi giới 6	Trưởng phòng	21.950
50	Nguyễn Thị Hoa	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	8.940
51	Nguyễn Thị Lan Hương	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	7.740
52	Nguyễn Tuấn Anh	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	8.940
53	Nguyễn Trung Nhất	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	5.240
54	Vũ Thế Long	Phòng Môi giới 9	Trưởng phòng	32.300
55	Phạm Xuân Thị Thanh Quang	Phòng Môi giới 9	Tổ trưởng nghiệp vụ	9.970
56	Lã Hoàng Quân	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440
57	Đặng Phương Mai	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	7.740
58	Phùng Viết Mạnh	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	5.240
59	Lê Thanh Tùng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440
60	Hoàng Trung Dũng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
61	Nguyễn Việt Cường	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440
62	Trần Hữu Đoàn	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440
63	Hoàng Minh Đức	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440
64	Phạm Văn Dực	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440
65	Bùi Xuân Hưởng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	12.640
66	Nguyễn Tuấn Linh	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	5.240
67	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440
68	Lại Văn Nguyên	Phòng Môi giới 12	Trưởng phòng	20.750
69	Nguyễn Nguyệt Minh	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440
70	Nguyễn Việt Dũng	Phòng Môi giới 15	Trưởng phòng	20.750
71	Phạm Trung Dũng	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	7.740
72	Trần Văn Hải	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	5.240
73	Bùi Văn Chuông	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	8.940
74	Lê Trọng Hưng	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	11.440
75	Dương Văn Hạnh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440
76	Lê Quốc Khánh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440
77	Nguyễn Đức Mạnh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	7.740
78	Lê Thị Hồng Nhung	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	8.940
79	Dương Quốc Tuấn	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	11.440
80	Phạm Thành Trung	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440
81	Phạm Xuân Tiến	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	12.640
82	Ngô Thư Thái	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	5.240
83	Phạm Anh Trường	Phòng phát triển mạng lưới Quảng Ninh	Trưởng phòng	20.750
84	Vũ Tuấn Anh	Phòng phát triển mạng lưới Quảng Ninh	Chuyên viên	8.940
85	Phạm Thế Huy	Phòng HP01	Trưởng phòng	17.050
86	Đặng Chí Thành	Phòng HP01	Chuyên viên	10.140
87	Nguyễn Thị Yến	Phòng HP01	Chuyên viên	5.240
88	Nguyễn Quang Trung	Phòng HP09	Trưởng phòng	19.450
89	Dương Đức Thắng	Phòng HP09	Chuyên viên	7.740
90	Bùi Quang Minh	Phòng HP09	Chuyên viên	6.440
91	Đỗ Ngọc Linh	Phòng HP09	Chuyên viên	8.940
92	Tạ Trung Đức	Phòng HP09	Chuyên viên	8.940
93	Lê Hoàng Anh	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
94	Trần Văn Chính	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
95	Trần Triệu Ân	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
96	Phạm Nguyễn Hải Âu	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	6.440
97	Đinh Thị Hoàng Bạch	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
98	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	6.440
99	Trịnh Minh Long	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
100	Võ Nguyễn Thiên Phú	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
101	Dương Thị Thanh Tuyền	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
102	Lê Thanh Nghị	Phòng Môi giới 16	Nhân viên	5.240
103	Ngô Thị Tinh	Phòng Môi giới 16	Trưởng phòng Môi giới	14.550
104	Lê Anh Minh	Phòng Đầu tư	Phó phòng	51.610
105	Hoàng Tuấn Anh	Phòng Đầu tư	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.540
106	Nguyễn Văn Đàm	Phòng Đầu tư	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.740
107	Nguyễn Phương Anh	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	10.040
108	Nguyễn Thị Ngọc An	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	7.540
109	Nguyễn Biên Phòng	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	11.240
110	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	7.540
111	Đỗ Dương Thông	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	12.540
112	Nguyễn Thị Thu Hương	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	6.340
113	Phan Thị Hương	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	21.950
114	Phạm Thị Hải An	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	23.250
115	Tạ Thanh Sơn	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	21.950
116	Nguyễn Thị Thủy (TV)	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng phụ trách	24.630
117	Tạ Minh Quân	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940
118	Đỗ Tuấn Thịnh	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Chuyên viên	11.440
119	Phạm Anh Quân	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Chuyên viên	11.440
120	Trần Bích Vân	Phòng Nguồn vốn	Trưởng phòng	54.310

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
121	Trịnh Quang Tùng	Phòng Nguồn vốn	Phó phòng	24.630
122	Nguyễn Thùy Dương	Phòng Nguồn vốn	Phó phòng	24.630
123	Vũ Thế Anh	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940
124	Nguyễn Đình Hòa	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640
125	Phùng Thị Ngọc Thanh	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940
126	Đỗ Thị Huyền Trang	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.140
127	Phạm Thị Mai Ngoan	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	12.640
128	Trần Trung Nghĩa	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	8.940
129	Nguyễn Thị Hường	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	11.440
130	Nguyễn Ngọc Lâm	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	8.940
131	Trần Hoàng Linh Chi	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	6.440
132	Vũ Thị Loan	Phòng Nguồn vốn	Nhân viên	8.940
133	Nguyễn Minh Hạnh	Phòng Phân tích	Giám đốc	45.610
134	Nguyễn Thanh Hoa	Phòng Phân tích	Phó phòng	24.630
135	Ngô Thế Hiến	Phòng Phân tích	Phó phòng	21.950
136	Phạm Hồng Sơn	Phòng Phân tích	Phó phòng	19.450
137	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940
138	Phan Tấn Nhật	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.440
139	Lê Anh Thắng	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640
140	Vũ Thị Huyền Trang	Phòng Phân tích	Chuyên viên	5.240
141	Trần Hồng Mây	Phòng Phân tích	Chuyên viên	8.940
142	Vũ Tuấn Duy	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440
143	Lê Thu Huyền	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440
144	Vũ Nhật Ánh	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440
145	Lê Nguyễn Tú Anh	Phòng Phân tích	Chuyên viên	5.240
146	Nguyễn Việt Hùng	Phòng Công nghệ thông tin	Phó phòng	20.750
147	Trần Mạnh Duy	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640
148	Nguyễn Hồng Giang	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	7.740

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
149	Nguyễn Tiến Cường	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	7.740
150	Nguyễn Phương Dung	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
151	Lê Thị Mỹ Duyên	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
152	Cao Duy Anh	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240
153	Đậu Quốc Chung	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440
154	Đặng Chí Công	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
155	Hoàng Kỳ	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
156	Phạm Xuân Hiếu	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440
157	Vũ Phương Hà	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	7.740
158	Nguyễn Thanh Mai	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240
159	Ngô Đức Liên	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240
160	Tăng Văn Ngọc	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	8.940
161	Lê Văn Tuấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
162	Nguyễn Tất Tuấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
163	Nguyễn Ngọc Trâm	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240
164	Nguyễn Thị Phương Thúy	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
165	Trần Văn Tấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440
166	Phùng Đức Thọ	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440
167	Đặng Thị Thanh Xuân	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240
168	Nguyễn Thanh Tùng	Phòng Công nghệ thông tin	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin	35.260
169	Nguyễn Thị Minh Khánh	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Giám đốc Ban	34.160
170	Triệu Tuyên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Trưởng phòng	30.100
171	Nguyễn Thị Vân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940
172	Phạm Văn Cương	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.440
173	Phạm Thu Hoài	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	9.140
174	Hà Thị Nhân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	10.440
175	Nguyễn Thị Phong	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	11.640
176	Nguyễn Minh Quân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	7.940
177	Lê Đình Nhậm	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	12.940
178	Hoàng Đình Nam	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	5.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
179	Đỗ Văn Sỹ	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	12.940
180	Phạm Thị Hằng	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940
181	Trần Thị Bích Thảo	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940
182	Nguyễn Thị Ngọc	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	13.940
183	Lê Thanh Liêm	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	5.240
184	Phạm Thị Thanh Hảo	Phòng Kế toán	Kế toán trưởng	51.480
185	Vũ Thị Duyên	Phòng Kế toán	Phó phòng	26.130
186	Bùi Thị Trang	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.640
187	Đặng Minh Trang	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.440
188	Nguyễn Thị Quỳnh	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.440
189	Đỗ Thị Thanh Vân	Phòng Kế toán	Chuyên viên	11.640
190	Nguyễn Thị Thủy	Phòng Kế toán	Phó phòng	25.430
191	Nguyễn Thị Phi Nga	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.440
192	Lê Thị Kim Anh	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140
193	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.940
194	Cao Thị Hoài	Phòng Kế toán	Chuyên viên	7.240
195	Lê Thị Kim Thoa	Phòng Kế toán	Chuyên viên	9.640
196	Đặng Hải Yến	Phòng Kế toán	Chuyên viên	8.440
197	Lê Thị Hoài Thu	Phòng Dịch vụ Tài chính	Trưởng phòng	38.460
198	Đào Thị Hằng	Phòng Dịch vụ Tài chính	Phó phòng	25.430
199	Nguyễn Minh Vũ	Phòng Dịch vụ Tài chính	Phó phòng	26.630
200	Nguyễn Hoàng Hà	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.170
201	Nguyễn Thị Hà	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140
202	Bùi Thị Thu Thủy	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.970
203	Nguyễn Bích Ngọc	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	4.740
204	Bùi Thị Nhung	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	8.440
205	Nguyễn Thu Hằng	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	9.640
206	Nguyễn Thị Dung	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	9.640
207	Đào Trọng Hiệp	Phòng Kế hoạch & PTTT	Trưởng phòng	25.600

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
208	Dương Thị Hồng Nhung	Phòng Kế hoạch & PTTT	Tổ trưởng nghiệp vụ	5.940
209	Nguyễn Thành Nam	Phòng Kế hoạch & PTTT	Chuyên viên	5.940
210	Đỗ Anh Tuấn	Phòng Kế hoạch & PTTT	Chuyên viên	4.740
211	Vũ Tiến Vinh	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Giám đốc	34.760
212	Bùi Quỳnh Trang	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Phó phòng	20.250
213	Nguyễn Tùng Hoa	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	8.440
214	Nguyễn Thị Lan Hương	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	9.640
215	Trần Thị Vân	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Phó phòng	26.630
216	Lưu Đức Huy	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740
217	Nguyễn Việt Hương	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740
218	Nguyễn Thanh Hằng	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740
219	Lê Thị Thu Hà	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	8.440
220	Phan Thị Trang	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	7.240
221	Trần Phương Chi	Tài chính Quản trị	Chuyên viên	8.940
222	Đào Thị Thu Hường	Khối Ngân hàng Đầu tư	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	35.260
223	Trần Huy Hoàng	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Phó Giám đốc Trung tâm	24.900
224	Trần Ngọc Toàn	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Chuyên viên	5.240
225	Nguyễn Thị Trinh Lê	Ủy Ban Kiểm toán	Chuyên viên cao cấp	4.740
226	Trần Linh Chi	Ủy Ban Kiểm toán	Chuyên viên	4.740
227	Lê Phương Thanh Hoài	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chánh văn phòng HĐQT	36.100
228	Doãn Thị Như Quỳnh	Văn phòng Hội đồng quản trị	Phó Chánh VP HĐQT	23.250
229	Bùi Lan Chi	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chuyên viên	7.740

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
230	Phan Thùy Linh	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chuyên viên	13.940
231	Đặng Văn Triu	Văn phòng Hội đồng quản trị	Lái xe	5.240
232	Nguyễn Thị Hồng Hải	Văn phòng Hội đồng quản trị	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	167.400
233	Đặng Anh Tuấn	Ban Giám đốc - PGD	Giám đốc	37.480
234	Nguyễn Tường Vân	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940
235	Phạm Thị Thanh Hà	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440
236	Nguyễn Thế Anh	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	11.440
237	Nguyễn Văn Hanh	Phòng Môi giới 16	Trưởng phòng	21.950
238	Nguyễn Tiến Hưng	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
239	Nguyễn Mạnh Tùng	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240
240	Trần Ngọc Tráng	Phòng Môi giới 36	Trưởng phòng	21.950
241	Trần Thu Trang	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	11.440
242	Nguyễn Trung Hiếu	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	10.140
243	Nguyễn Tuấn Hoàng	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	10.140
244	Lê Khánh Việt	Phòng Môi giới 37	Trưởng phòng	23.250
245	Phạm Hoài Thanh Thanh	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	11.440
246	Lương Thị Nhài	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	8.940
247	Dương Thị Thu Hà	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	12.640
248	Dư Thị Bình Dương	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	8.940
249	Phạm Thanh Vũ	Ban Giám đốc - CN.TPHCM	Giám đốc chi nhánh	36.460
250	Phạm Minh Sơn	Ban Giám đốc - CN.TPHCM	Phó Giám đốc chi nhánh	32.600
251	Hoàng Công Huy	Phòng Giao dịch chứng khoán - CN.TPHCM	Giám đốc Môi giới Chi nhánh	15.750
252	Nguyễn Duy Minh	Phòng Giao dịch chứng khoán - CN.TPHCM	Nhân viên	5.240
253	Đinh Thị Cẩm Nhung	Phòng Môi giới 1	Trưởng phòng	23.250
254	Phan Quang Long	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	5.240
255	Nguyễn Hoàng Thụy	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	13.940
256	Võ Duy Hùng	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	7.740
257	Nguyễn Đỗ Anh Khoa	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	6.440
258	Lương Quốc Chương	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	7.740
259	Nguyễn Nam Anh	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	6.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
260	Nguyễn Trần Hoàng Dung	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	12.640
261	Nguyễn Thị Như Uyên	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	10.140
262	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	21.950
263	Hoàng Thị Hồng Lê	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	6.440
264	Lê Thị Lan Hương	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	13.940
265	Nguyễn Thị Hà Thu	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740
266	Trần Ngọc Khánh Trinh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740
267	Phan Thị Thanh Nhân	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440
268	Lê Thị Hằng Trinh	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240
269	Nguyễn Ngọc Linh	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240
270	Trương Minh Thông	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	5.240
271	Lê Thị Hạnh	Phòng Môi giới 12	Trưởng phòng	20.750
272	Nguyễn Thị Thu Diễm	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	5.240
273	Lê Thị Thảo Duyên	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	10.140
274	Phạm Thị Kim Anh	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440
275	Bùi Mạnh Cường	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	8.940
276	Nguyễn Mạnh Tiến	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440
277	Nguyễn Ngọc Trân	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Trưởng phòng Chi nhánh	14.550
278	Đỗ Sỹ Khiêm	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240
279	Bạch Trần Minh Hằng	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240
280	Phan Thị Kim Oanh	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.640
281	Nguyễn Kim Ngân	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.440
282	Nguyễn Trung Thành	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	7.940
283	Lê Dương Kiều Trang	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.440
284	Ngô Thanh Huyền	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Nhân viên	12.940
285	Phạm Cao Bảo Hân	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Trợ lý Giám đốc Chi nhánh	5.440
286	Đỗ Nguyễn Đình Phong	Phòng Công nghệ thông tin - CN.TPHCM	Chuyên viên	11.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
287	Lương Thị Diễm	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Trưởng phòng	20.950
288	Đoàn Thị Bích Ly	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	10.440
289	Phan Minh Thy	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	7.940
290	Ngô Thị Kiều Trinh	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	4.240
291	Trần Phước Hạ Nhi	Ban Giám đốc - CNDN	Giám đốc chi nhánh	59.480
292	Ngô Thị Thanh	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNDN	Chuyên viên	10.440
293	Trần Trung Phúc	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNDN	Giám đốc Môi giới Chi nhánh	23.250
294	Lê Tôn Anh Thư	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNDN	Phó Giám đốc Môi giới Chi nhánh	23.250
295	Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNDN	Chuyên viên	11.440
296	Hồ Thị Minh Thiện	Phòng Môi giới 1	Trưởng phòng	23.250
297	Trần Ngọc Minh	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	12.640
298	Lê Thị Liễu	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	21.950
299	Hoàng Mai	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740
300	Đào Quang Long	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940
301	Hoàng Hải Long	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	5.240
302	Huỳnh Thị Thanh Tâm	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940
303	Vi Thục Chinh	Phòng Môi giới 3	Trưởng phòng	21.950
304	Hoàng Văn Ngọc	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	10.140
305	Lê Hồng Sơn	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240
306	Trần Thanh Vũ	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240
307	Ngô Đắc Thịnh	Phòng Công nghệ thông tin - CNDN	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940
308	Nguyễn Thị Hiệp	Phòng Kế toán Tài chính - CNDN	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940
309	Trương Thị Thảo Uyên	Phòng Kế toán Tài chính - CNDN	Chuyên viên	6.740
310	Hoàng Thanh Lộc	Phòng Hành chính Tổng hợp - CNDN	Chuyên viên	4.240
311	Lưu Thị Huệ	Phòng Kế hoạch & PTTT	Phó phòng	13.550

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu dự kiến được mua
312	Nguyễn Minh Lan Chi	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240
313	Phạm Đức Dũng	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Giám đốc trung tâm M& A	24.900
	Tổng cộng			5.000.000

QUY CHẾ

**Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 (ESOP 2025)
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41.-2025/QĐ-HĐQT ngày 30.10.2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này chỉ áp dụng cho Cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
2. Đối tượng áp dụng: Người lao động của SHS bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Cán bộ nhân viên ký Hợp đồng lao động với SHS đủ tiêu chuẩn theo các quy định tại Quy chế.

Điều 2. Tài liệu tham chiếu

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành về công bố thông tin.
6. Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
7. Các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và quy ước tên gọi

1. SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
2. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
3. CQQLNN: Cơ quan quản lý Nhà nước
4. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
5. HĐQT: Hội đồng quản trị.
6. NLĐ: Người lao động bao gồm các cá nhân làm việc cho SHS theo các Hợp đồng lao động hoặc các thỏa thuận/ Nghị quyết/ Quyết định khác được ký kết hoặc ban hành hợp lệ bởi SHS.

7. TGD: Tổng giám đốc, hoặc Người được giao phụ trách điều hành hoặc các chức danh tương đương khác theo quy định của SHS từng thời kỳ.
8. CBNV: Cán bộ nhân viên.
9. ESOP: Employee Stock Ownership Plan, là việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn dành cho Người lao động.
10. HĐLĐ: Hợp đồng lao động.
11. XLKL: Xử lý kỷ luật.

Những từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán Điều lệ SHS và các văn bản pháp luật, văn bản khác của SHS thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

Điều 4. Mục đích của chương trình

Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLD (ESOP) nhằm mục đích:

1. Gắn kết NLD và SHS phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty;
2. Ghi nhận những đóng góp xuất sắc của NLD trong quá trình phát triển của SHS nhằm thu hút, duy trì và thúc đẩy những NLD có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với SHS;
3. Tạo thêm quyền lợi khác cho NLD ngoài tiền lương và tiền thưởng.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2025

Điều 5. Thông tin về cổ phiếu ESOP

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
3. Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông;
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phần);
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.000.000 cổ phiếu;
6. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng;
7. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLD của SHS;
8. Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng của chương trình ESOP

1. Đối tượng áp dụng và không áp dụng

- a. Đối tượng áp dụng:
 - Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.
 - CBNV ký Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với SHS tính đến ngày 30/06/2025 đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2.2 Điều này.
- b. Các đối tượng không áp dụng:

- CBNV có đơn xin thôi việc, đơn phương chấm dứt HĐLĐ; đang trong thời gian Xử lý kỷ luật (sau đây viết tắt là "XLKL"); đang xem xét XLKL trên cơ sở đã có Quyết định thành lập Hội đồng XLKL (hoặc các văn bản có giá trị tương đương về việc thành lập Hội đồng XLKL); đang trong thời gian tạm đình chỉ công tác/chức vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc đã bị XLKL lao động từ mức Khiển trách trở lên trong vòng 01 năm tính đến thời điểm lập danh sách tham gia Chương trình ESOP.
- CBNV nghỉ không lương với thời hạn từ 06 tháng trở lên tính đến ngày lập danh sách tham gia Chương trình ESOP.
- CBNV đang tạm hoãn HĐLĐ hoặc đang nghỉ việc không có lý do.
- CBNV là người có quốc tịch nước ngoài.
- Các đối tượng khác theo đề xuất của Tổng giám đốc.

2. Tiêu chuẩn NLD tham gia chương trình

2.1. Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần các Thành viên HĐQT Công ty được mua cụ thể do HĐQT quyết định.

2.2. Cán bộ nhân viên

2.2.1. Tiêu chí thâm niên làm việc (Thâm niên)

Thời gian làm việc tại SHS (bao gồm cả thời gian thử việc) tính đến thời điểm 30/6/2025.

Điểm tiêu chuẩn theo thâm niên làm việc được chi tiết như sau:

TT	Thâm niên làm việc (năm)	Điểm thâm niên
1	≥ 15 năm	07
2	≥ 10 năm	06
3	≥ 7 năm	05
4	≥ 5 năm	04
5	≥ 3 năm	03
6	≥ 2 năm	02
7	≥ 1 năm	01

2.2.2. Tiêu chí chức danh và vị trí công việc (Chức danh)

TT	Chức danh/Vị trí công việc	Điểm theo cấp bậc (*)
1	Tổng giám đốc	100
2	Giám đốc/ Phó giám đốc Khối, Giám đốc Ban, Giám đốc Trung tâm (trực thuộc Tổng giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh	30

TT	Chức danh/Vị trí công việc	Điểm theo cấp bậc (*)
3	Trưởng phòng Hội sở, Chánh Văn phòng HĐQT, Phó Trưởng phòng Phụ trách tại Hội sở, Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm báo cáo trực tiếp Giám đốc/Phó Giám đốc khối, Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Phòng giao dịch, Trợ lý Chủ tịch HĐQT	20
4	Trưởng phòng Môi giới, Trưởng phòng Chi nhánh/Phó trưởng Phòng Hội sở/Phó Chánh văn phòng HĐQT, Giám đốc Môi giới Chi nhánh	10
5	Các vị trí còn lại.	01

(*) Tổng giám đốc được điều chỉnh điểm với các trường hợp có vai trò quan trọng, tác động lớn đến hoạt động của Công ty nhưng không vượt quá 50%, trường hợp đặc biệt không vượt quá 100% điểm tiêu chuẩn tại vị trí tương ứng đó.

2.2.3. Tiêu chí đặc thù nghiệp vụ/ chức năng của đơn vị đóng góp vào hoạt động của Công ty (Nghiệp vụ)

TT	Loại đơn vị/ Mạng nghiệp vụ triển khai	Điểm theo đơn vị chức năng
1	Đầu tư cổ phiếu	10
2	Đầu tư trái phiếu, Ngân hàng đầu tư, Môi giới, Nguồn vốn, Công nghệ, Tài chính quản trị, Phân tích, Phát triển sản phẩm, Văn phòng HĐQT, Giám đốc Chi nhánh, Tổ chức Nhân sự.	08
3	Dịch vụ tài chính, Pháp chế & QTRR, Kế toán nội bộ, Thư ký, Kiểm toán nội bộ, Marcom	07
4	Quản lý sổ cổ đông, Kế toán giao dịch, Giao dịch tổng hợp, Hành chính	06

2.2.4. Tiêu chí tính chất đặc biệt (Tính chất)

Đối với một số CBNV làm việc tại vị trí cấp cao của Công ty thì HĐQT quyết định số lượng cổ phiếu được phân bổ theo từng trường hợp cụ thể trong tổng số cổ phiếu dành riêng cho đối tượng này

2.3. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối

2.1. Tỉ trọng phân phối

- 25% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.250.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV theo Mục 2.2.1.
- 30% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.500.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV theo Mục 2.2.2.

- 25% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.250.000 cổ phiếu): phân bổ cho CBNV theo Mục 2.2.3.
- 20% tổng số cổ phiếu (tương ứng với 1.000.000 cổ phiếu): phân bổ cho thành viên HĐQT và CBNV theo Mục 2.2.4.

2.2. Công thức xác định số lượng cổ phiếu đến từng cá nhân:

- **Thành viên HĐQT:** Số lượng cổ phần được mua theo phê duyệt của HĐQT.
- **CBNV:** Số lượng cổ phần được mua được xác định theo công thức dưới đây:

$$\text{Cổ phiếu của từng CBNV (X}_i\text{)} = \text{Cổ phiếu phân phối theo Thâm niên (Y}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Chức danh (Z}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Nghiệp vụ (T}_i\text{)} + \text{Cổ phiếu phân phối theo Tính chất (Q}_i\text{)}.$$

Trong đó:

- X_i : là tổng số lượng cổ phiếu ESOP của CBNV thứ i
- Y_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Thâm niên**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Thâm niên của CBNV}_i = A \times \frac{G}{\sum(G)}$$

Trong đó:

- A : Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Thâm niên
- G : Điểm Thâm niên của CBNV i
- $\sum(G)$: Tổng điểm Thâm niên của toàn bộ CBNV
- Z_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Chức danh**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Chức danh của CBNV}_i = B \times \frac{H}{\sum(H)}$$

Trong đó:

- B : Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Chức danh
- H : Điểm Chức danh của CBNV i
- $\sum(H)$: Tổng điểm Chức danh của toàn bộ CBNV
- T_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Nghệp vụ**, xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối theo Nghiệp vụ của CBNV}_i = C \times \frac{K}{\sum(K)}$$

Trong đó:

- C : Tổng quỹ cổ phiếu ESOP được phân phối theo Nghiệp vụ
- K : Điểm Nghiệp vụ của CBNV i
- $\sum(K)$: Tổng điểm Nghiệp vụ của toàn bộ CBNV
- Q_i : là số lượng cổ phiếu phân phối theo **Tính chất**, được xác định theo phê duyệt của HĐQT.

Điều 7. Quyền lợi khi tham gia Chương trình

- Được quyền lựa chọn mua hoặc không mua cổ phiếu ESOP theo Quy định này.
- Có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông theo quy định pháp luật, ngoại trừ việc hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 8. Nghĩa vụ khi tham gia Chương trình

1. NLD tham gia Chương trình phải đảm bảo các quy định pháp luật khác có liên quan, bao gồm và không giới hạn bởi các nghĩa vụ sau:
 - a) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SHS quy định;
 - b) Tuân thủ Điều lệ và chấp hành Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT SHS;
 - c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật (nếu thuộc đối tượng công bố thông tin) và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin này.
 - d) Thực hiện đầy đủ các khoản thuế, phí thuộc trách nhiệm của người mua/cổ đông theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - e) Tự chịu trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được toàn quyền quyết định mua hoặc từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu được mua theo Chương trình ESOP.
2. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, CBNV mua cổ phiếu theo Chương trình này mà chuyển nhượng trái phép cổ phiếu, bị sa thải hoặc vi phạm pháp luật hoặc nội quy Công ty đến mức mà HĐQT cho là nghiêm trọng thì bị thu hồi cổ phiếu, Công ty sẽ hoàn trả số tiền mua cổ phiếu theo giá phát hành (không khấu trừ cổ tức bằng tiền đã nhận).

Việc thu hồi không có nghĩa là phải thu hồi được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mà có thể thực hiện bằng Thông báo gửi bằng thư đảm bảo đến địa chỉ đăng ký, trao thư trực tiếp hoặc qua email của CBNV trước ít nhất 07 ngày có hiệu lực của việc thu hồi hoặc thông báo trên website Công ty trong trường hợp các hình thức gửi Thông báo trên không áp dụng được.

Điều 9. Hạn chế chuyển nhượng

1. Cổ phiếu mới được phát hành theo Chương trình ESOP của SHS năm 2025 bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Hạn chế chuyển nhượng bao gồm cả việc hạn chế tặng, cho, góp vốn, dùng làm phần thưởng, ... hoặc bất kỳ hình thức nào khác có thể dẫn đến việc thay đổi người sở hữu cổ phiếu.
2. Ngoài việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu ESOP theo Quy chế này, NLD của SHS còn phải thực hiện các quy định khác của pháp luật liên quan đến chuyển nhượng cổ phiếu (nếu có).
3. Các quyền lợi khác phát sinh từ số cổ phiếu được mua (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

Điều 10. Nguyên tắc làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết

1. Nguyên tắc làm tròn: cổ phiếu phân phối theo nguyên tắc trên được làm tròn xuống đến hàng đơn vị
2. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có):
 - Đối với phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Sẽ được phân phối cho Tổng Giám đốc SHS;
 - Đối với cổ phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp NLD không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết, HĐQT quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại này

cho NLD khác của Công ty với cùng mức giá chào bán cho NLD theo Danh sách ban đầu.

Điều 11. Đăng ký mua cổ phiếu ESOP

1. Sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN, Công ty thông báo để NLD chính thức đăng ký mua cổ phiếu ESOP theo Danh sách đã được phê duyệt.
2. Phương thức thanh toán: NLD tham gia mua cổ phiếu ESOP sẽ thực hiện nộp đơn đăng ký và nộp tiền mặt/chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu và hoàn tất các thủ tục liên quan khác theo Thông báo của SHS.
3. NLD vi phạm trình tự, thủ tục phát hành theo thông báo của SHS thì được coi là tự nguyện bỏ quyền mua cổ phiếu được phân bổ.

Điều 12. Thời gian thực hiện

1. Chương trình ESOP 2025 được thực hiện ngay sau khi hoàn thành đầy đủ thủ tục hồ sơ theo quy định pháp luật và nhận được văn bản thông báo về việc nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN.
2. Ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu ESOP không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP.

Điều 13. Tổ chức triển khai và trách nhiệm của các bên

1. Hội đồng quản trị SHS:
 - a. Phê duyệt đối tượng, tiêu chuẩn và danh sách NLD tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng theo ủy quyền tại Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
 - b. Chỉ đạo việc lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN và tổ chức triển khai thực hiện sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN.
 - c. Quyết định, xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này và đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2025.
 - d. Chỉ đạo việc chuẩn bị và báo cáo kết quả phát hành, hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan khác.
 - e. Chủ tịch HĐQT được ủy quyền ban hành các quyết định, thực hiện các thủ tục thu hồi cổ phiếu, phân phối lại cổ phiếu bị thu hồi và xử lý các trường hợp khác không được quy định tại Quy chế này mà không cần có Quyết định của HĐQT (không áp dụng với cổ phiếu đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng).
2. Tổng giám đốc:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
 - b. Đề xuất các tiêu chuẩn lựa chọn NLD được tham gia Chương trình ESOP và nguyên tắc phân phối cổ phiếu phù hợp với chủ trương của ĐHĐCĐ đã thông qua, trình HĐQT phê duyệt.
 - c. Xét duyệt danh sách NLD tham gia Chương trình ESOP, số lượng Cổ phiếu được phân bổ cho mỗi NLD trong đợt phát hành phù hợp với Quy chế này để trình HĐQT thông qua.
 - d. Xem xét đánh giá tính hiệu quả của Chương trình ESOP và đề xuất với HĐQT việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế.

3. Khối Ngân hàng đầu tư
 - a. Đầu mối lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN và các CQQLNN liên quan, tổ chức triển khai thực hiện sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN.
 - b. Chuẩn bị và báo cáo kết quả phát hành tại UBCKNN, hoàn tất thay đổi đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thay đổi niêm yết số cổ phiếu mới phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan khác.
4. Ban Hành chính nhân sự:
 - a. Tham mưu cho TGD về tiêu chí, tiêu chuẩn lựa chọn NLĐ được tham gia Chương trình ESOP và nguyên tắc phân phối cổ phiếu phù hợp với chủ trương của ĐHĐCĐ đã thông qua.
 - b. Căn cứ vào Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, các quy định tại Quy chế này, Ban Hành chính Nhân sự lập và đề xuất danh sách NLĐ tham gia Chương trình ESOP theo tiêu chuẩn của đợt phát hành để Tổng Giám đốc và HĐQT xét duyệt;
 - c. Cung cấp thông tin liên quan đến Chương trình ESOP theo đề nghị của các đơn vị có liên quan;
 - d. Phối hợp với các đơn vị liên quan giải đáp thắc mắc của NLĐ liên quan đến Chương trình ESOP;
5. Văn phòng HĐQT
 - a. Phối hợp với Khối Ngân hàng Đầu tư và Ban Hành chính Nhân sự tập hợp hồ sơ ESOP 2025 trình HĐQT xem xét thông qua.
 - b. Phối hợp với Khối Ngân hàng Đầu tư, Ban Hành chính Nhân sự triển khai phát hành ESOP 2025 sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN;
 - c. Phối hợp với các Phòng/Ban trong Công ty hoàn tất các thủ tục pháp lý về thay đổi Điều lệ, vốn điều lệ sau khi hoàn tất thủ tục phát hành ESOP 2025.
6. NLĐ tham gia Chương trình ESOP có trách nhiệm tìm hiểu kỹ trước khi quyết định mua cổ phiếu ESOP và thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định.
3. Đối với các nội dung khác có liên quan chưa được quy định cụ thể tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
4. Toàn thể CBNV tham gia Chương trình phát hành cổ phiếu ESOP 2025, các cá nhân có tên trong Danh sách sở hữu cổ phiếu ESOP 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

